TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
KHOA XÂY DỰNG

BẢNG SỐ LIỆU ĐỒ ÁN LỚP CIE377I

ĐỒ ÁN : KẾT CẤU BÊ TÔNG CỐT THÉP

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		Sơ đồ	l1 (m)	l2 (m)	Ptc (kN/m2)	LOẠI BẢN	GH CHÚ
1	2021616713	Lê Ngọc	**Bình**	E	5.9	7.2	7.0	BẢN KÊ	
2	2021617183	Lê Hoàng	**Hà**	B	2.1	6.7	6.2	BẢN DẦM	
3	1821625189	Nguyễn Tấn	**Hiền**	G	6.0	7.2	7.0	BẢN KÊ	
4	2021614114	Trương Mạnh	**Hiếu**	C	2.3	6.5	5.9	BẢN DẦM	
5	2021625047	Trần Đăng	**Hữu**	D	6.2	7.2	6.8	BẢN KÊ	
6	1921618794	Trương Văn	**Luyến**	B	2.5	6.3	5.7	BẢN DẦM	
7	2021615088	Võ Văn	**Nghĩa**	D	5.5	7.0	7.1	BẢN KÊ	
8	2021616653	Hồ Văn	**Phát**	A	2.7	6.1	6.0	BẢN DẦM	
9	1921613382	Dương Phú	**Phong**	E	6.3	7.0	6.7	BẢN KÊ	
10	2021415119	Lê Hồng	**Phong**	C	2.9	5.9	5.8	BẢN DẦM	
11	2021615970	Nguyễn Gia	**Phúc**	G	6.5	7.5	6.8	BẢN KÊ	
12	2021614857	Nguyễn Thế	**Quang**	B	2.9	6.1	6.3	BẢN DẦM	
13	2021644769	Nguyễn Hữu	**Quang**	E	6.5	7.3	7.0	BẢN KÊ	
14	2020714204	Nguyễn Phương	**Tài**	A	3.0	6.1	6.9	BẢN DẦM	
15	1921613460	Võ Thiện	**Tâm**	E	6.6	7.2	7.1	BẢN KÊ	
16	1921613415	Nguyễn Quốc	**Thành**	A	2.9	6.2	6.5	BẢN DẦM	
17	2020624708	Phan Lê Công	**Thành**	G	6.7	7.5	6.5	BẢN KÊ	
18	2021610880	Ngô Tú	**Thiên**	B	2.8	6.3	6.3	BẢN DẦM	
19	2021250651	Nguyễn Trung	**Thịnh**	G	6.8	7.0	6.5	BẢN KÊ	
20	1921613347	Lưu Hùng	**Thuận**	A	2.7	6.4	6.8	BẢN DẦM	
21	2021613653	Võ Minh	**Tiên**	E	6.9	7.1	6.7	BẢN KÊ	
22	2021623645	Kpă Hoàng Minh	**Tiến**	C	2.6	6.5	6.7	BẢN DẦM	
23	1921618145	Trần Duy	**Toàn**	E	6.5	7.2	6.5	BẢN KÊ	
24	2011617171	Trần Minh	**Triết**	A	2.5	7.2	7.0	BẢN DẦM	
25	2021616863	Hoàng Thành	**Trung**	G	6.5	7.3	6.5	BẢN KÊ	
26	1921613437	Trần Quốc Văn	**Tuấn**	C	2.6	7.3	6.9	BẢN DẦM	

Đà nẵng, ngày 14 tháng 10 năm 2016
Giảng viên hướng dẫn

ThS. Nguyễn Thành Dũng